

Bản án số: 1341/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2022
V/v: Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Thủy

- Ông Võ Thành Viên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án quận Gò Vấp

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 803/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXX - HN ngày 09 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Bị đơn: Ông Phạm Khoa Anh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Khoa Anh T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1526/2018/QĐST – HNGĐ ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Theo quyết định ly hôn, bà Th trực tiếp nuôi một con chung tên Phạm Khoa Tuấn K sinh năm 2009 và ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ 1 tháng. Bà Th cho biết, số tiền đó hiện nay không đủ để nuôi dưỡng trẻ K vì trẻ K có nhiều bệnh, mỗi tháng phải uống thuốc và đi khám bác sĩ. Bà yêu cầu ông T nâng mức cấp dưỡng hàng tháng lên 5.000.000 đồng/ tháng.

Theo bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến, bị đơn là ông Phạm Khoa Anh T trình bày:

Ông Phạm Khoa Anh T thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Th ly hôn theo quyết định nêu trên và giao một con chung là trẻ Phạm Khoa Tuấn K cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng, thực hiện thường xuyên đều đặn từ khi ly hôn cho đến nay. Về đề nghị tăng mức cấp dưỡng nuôi con của bà Th thì ông không đồng ý. Ông T cho biết hiện nay công việc của ông là lái xe thuê, ai có việc thuê mới chạy, không có làm hợp đồng lao động, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/ tháng. Mặt khác, khi ly hôn ông có ủy quyền cho bà Th toàn bộ căn nhà số ----- quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh để bà Th nuôi con và cho thuê. Căn nhà có 03 phòng cho thuê, trung bình mỗi phòng có thu nhập là 1.300.000 đồng x 3 = 3.900.000 đồng/ tháng.

Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với bà Th, bà Th cho rằng không biết thu nhập hàng tháng của ông T là bao nhiêu; Không nêu ra được và không cung cấp được tài liệu chứng cứ về những nhu cầu thiết yếu hàng tháng của trẻ K để cung cấp cho tòa án.

Ông T nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ thể hiện ông đã chấm dứt hợp đồng lao động từ tháng 02/2022 đến nay và hiện đang lái xe thuê như ông trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn trình bày các ý kiến như nêu trên. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con hiện nay là 4.000.000 đồng/ tháng.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại số ----- quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con quy định tại Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Về yêu cầu thay đổi tăng mức cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn:

Nguyên đơn cho rằng mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/ 1 tháng không còn phù hợp vì trẻ K thường xuyên bị bệnh, nên yêu cầu tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên thành 5.000.000 đồng/ tháng, nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ về thu nhập của bị đơn.

Bị đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ như: Hợp đồng ủy quyền số 011792, quyền số 07 TP/VPCC – SCC/HĐGD ngày 21/6/2018; Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 522/QĐ – DATAPOST ngày 27/8/2020; Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động số 521/DATAPOST – TCHC ngày 27/8/2020; Sổ bảo hiểm xã hội; Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 015/2022/ICB/QĐNV ngày 22/02/2022; Diễn giải ngày 16/4/2022 về quá trình đóng bảo hiểm xã hội chót ngày 16/4/2022 từ tháng 3/2021 đến tháng 02/2022. Điều này thể hiện bị đơn hiện nay không có thu nhập ổn định, mức thu nhập trung bình ở mức 7.000.000 đồng/ 1 tháng. Các chế độ làm việc khác không có. Mặt khác, theo hợp đồng ủy quyền thì hàng tháng nguyên đơn có thu nhập ổn định từ việc cho thuê phòng tại địa chỉ số ---- quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, là căn nhà bị đơn ủy quyền lại cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, ...”. Trẻ Phạm Khoa Tuấn K sinh năm 2009 chưa đủ tuổi trưởng thành, đang do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng để nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82; Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết”.

Tại khoản 20 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống mỗi người, mỗi gia đình”.

Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc cấp dưỡng có thể thực hiện định kỳ hằng tháng, hằng quý, nửa năm, hằng năm hoặc một lần...”

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tăng mức cấp dưỡng hàng tháng từ 4.000.000 đồng lên 5.000.000 đồng nhưng không nêu ra được các khoản chi phí cụ thể phục vụ nhu cầu

thiết yếu hàng tháng để nuôi con và không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn có khả năng tài chính để tăng mức cấp dưỡng làm căn cứ cho yêu cầu của mình. Thu nhập của bị đơn hiện nay là 7.000.000 đồng/ 1 tháng. Mức cấp dưỡng hiện tại là 4.000.000 đồng, hơn ½ lương của bị đơn, không thấp hơn 2/3 mức lương tối thiểu vùng. Mặt khác, nguyên đơn thừa nhận hàng tháng có thu nhập ổn định từ ba phòng cho thuê là 3.900.000 đồng. Trách nhiệm nuôi con là của cả hai. Do đó, đề nghị tăng mức cấp dưỡng hàng tháng của nguyên đơn là không phù hợp quy định tại khoản 20 Điều 3; khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị định 90/2019/NĐ – CP ngày 15/11/2019 nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 20 Điều 3, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị định 90/2019/NĐ – CP ngày 15/11/2019;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con như hiện nay. Ông Phạm Khoa Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông Phạm Khoa Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí theo quy định.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị